

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2010/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 14/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 160/VP-ĐN ngày 18/5/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 19/2005/QĐ-UB ngày 24/3/2005 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ Quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-UBND, ngày 08/6/2010
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục về hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Việc thực hiện các hoạt động đối ngoại của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, và các tổ chức, cơ quan trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là ngành, địa phương, cơ quan).

Điều 2. Nguyên tắc lãnh đạo và quản lý hoạt động đối ngoại địa phương

1. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh và sự quản lý tập trung của UBND tỉnh đối với hoạt động đối ngoại; nhằm thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

2. Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, hoạt động ngoại giao Nhà nước và hoạt động đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

3. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của các ngành, địa phương, cơ quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác đối ngoại; bảo đảm sự giám sát, kiểm tra chặt chẽ.

4. Hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm của tỉnh; tuân thủ theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại.

Điều 3. Nội dung hoạt động đối ngoại

Các hoạt động đối ngoại trong Quy chế này bao gồm:

1. Tổ chức, quản lý các đoàn đi nước ngoài (gọi tắt là đoàn ra) và đón tiếp các đoàn quốc tế đến Bắc Giang (gọi tắt là đoàn vào), quản lý các tổ chức, cá nhân người nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác kinh tế đối ngoại.

3. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế.

4. Các hoạt động giao lưu với nước ngoài trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

5. Công tác tổng hợp, dự báo tình hình và thông tin tuyên truyền đối ngoại; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.
6. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài thuộc tỉnh Bắc Giang.
7. Bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại.
8. Tiếp nhận huân chương, huy chương hoặc các danh hiệu khác của các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 4. Xây dựng Kế hoạch hoạt động đối ngoại

1. Quý IV hàng năm, các ngành, địa phương, cơ quan báo cáo việc thực hiện các hoạt động đối ngoại trong năm và xây dựng kế hoạch hoạt động năm sau của đơn vị gửi UBND tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và hoàn chỉnh Kế hoạch hoạt động đối ngoại năm sau của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 05/11 hàng năm để xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các ngành, địa phương, cơ quan khi có thay đổi, bổ sung nội dung hoạt động đối ngoại, phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với những hoạt động phát sinh thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tham khảo ý kiến Bộ Ngoại giao và xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ để thực hiện.

Điều 5. Thực hiện chương trình đối ngoại

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm của tỉnh, các ngành, địa phương, cơ quan xây dựng kế hoạch thực hiện. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, việc thực hiện. Khi có các vấn đề phát sinh ngoài dự kiến, chủ động đề xuất, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III

QUẢN LÝ ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÁ NHÂN, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 6. Thẩm quyền xét, quyết định cử đoàn ra

1. Việc xét, quyết định cho phép xuất cảnh đối với các đối tượng thuộc lực lượng quân đội và công an thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

2. Chủ tịch UBND tỉnh xét, quyết định cho phép xuất cảnh (theo đoàn hoặc cá nhân) đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác trong các cơ quan của Đảng, đoàn thể, các cơ quan hành chính Nhà nước, các tổ chức kinh tế thuộc quyền quản lý của tỉnh và các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp thụ hưởng Ngân sách Nhà nước.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan của Đảng, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố xem xét, quyết định cho phép xuất cảnh đối với trường hợp cá nhân cán bộ, công chức, viên chức không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

ra nước ngoài giải quyết việc riêng (thăm quan du lịch, chữa bệnh, thăm thân) với thời hạn ở nước ngoài không quá 15 ngày làm việc.

4. Công an tỉnh xét, quyết định xuất cảnh đối với công dân Việt Nam thường trú hợp pháp tại Bắc Giang không thuộc diện quy định tại các khoản 1, 2, 3 điều này.

Điều 7. Quy trình xét, cho phép xuất cảnh đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các ngành, địa phương, cơ quan

1. Các ngành, địa phương, cơ quan có văn bản báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh về việc xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý hoặc xem xét, quyết định cho phép xuất cảnh theo ủy quyền tại khoản 3, Điều 6 Quy chế này. Nội dung văn bản nêu rõ mục đích chuyến đi, thành phần (họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác, mã ngạch và hệ số lương của từng cá nhân), thời gian và nguồn kinh phí.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm báo cáo, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép xuất cảnh đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện quy định tại khoản 2, Điều 6 Quy chế này. Trường hợp đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy trước khi quyết định. Quyết định phải gửi 01 bản cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy để biết.

3. Với các trường hợp được ủy quyền tại khoản 3, Điều 6 Quy chế này, văn bản cho phép xuất cảnh của cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức phải gửi 01 bản về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, theo dõi và 01 bản gửi cho Công an tỉnh.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan thuộc Trung ương quản lý hoạt động trên địa bàn tỉnh xuất cảnh ra nước ngoài; cơ quan quản lý đối tượng có văn bản báo cáo với UBND tỉnh và thông báo cho Công an tỉnh trước khi xuất cảnh.

5. Thời hạn giải quyết thủ tục xét, cho phép xuất cảnh là 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (trừ trường hợp đối tượng là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

6. Văn phòng UBND tỉnh thẩm định hồ sơ đề nghị xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (thẻ ABCT) của các đối tượng được quy định tại Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 01/6/2009 của UBND tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

7. Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối tổng hợp, cung cấp thông tin, hướng dẫn triển khai, kiểm tra việc thực hiện các quy trình, thủ tục giải quyết và quản lý đối với các đoàn ra trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của các ngành, địa phương, cơ quan và đoàn ra

1. Các ngành, địa phương, cơ quan khi tổ chức đoàn ra cần xác định rõ mục đích, nội dung chuyên đi, có kế hoạch đảm bảo hoạt động thường xuyên của đơn vị mình. Bố trí nhân sự hợp lý để không làm ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả công tác chuyên môn; bố trí lãnh đạo ở lại để chỉ đạo, điều hành. Hạn chế tối đa việc tổ chức các đoàn ra trong thời gian cần tập trung cao cho công tác chuyên môn.

2. Các đoàn ra có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp quốc tế, luật pháp Việt Nam, luật pháp nước sở tại; giữ gìn kỷ luật phát ngôn, bí mật của Đảng, Nhà nước. Tuyệt đối không được mang theo tài liệu bí mật của Đảng, Nhà nước khi chưa được phép của cấp có thẩm quyền. Thực hiện đúng nội dung, chương trình chuyến đi. Khi có vấn đề phức tạp về chính trị, ngoại giao phải tham khảo ý kiến của cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước sở tại trước khi giải quyết với chính quyền hoặc đối tác của nước sở tại.

3. Chậm nhất 07 ngày sau mỗi chuyến đi, trong trường hợp được cử đi công tác, Trưởng đoàn (nếu tổ chức theo đoàn) hoặc cá nhân cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh bằng văn bản kết quả chuyến công tác tại nước ngoài.

4. Việc quản lý hộ chiếu công vụ và hộ chiếu ngoại giao thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ và Quyết định 13/2006/QĐ-UBND ngày 28/02/2006 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh Bắc Giang.

Điều 9. Quy trình tổ chức đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại tỉnh

1. Đối với đoàn đến thăm và làm việc trực tiếp với Lãnh đạo tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh căn cứ vào tính chất, nội dung chương trình làm việc của đoàn, đối tượng khách và chỉ đạo của các cơ quan Trung ương; xây dựng chương trình đón tiếp và làm việc, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi được phê duyệt, Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện. Các ngành, địa phương, cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh triển khai chương trình đón tiếp khách theo đúng quy định về lễ tân đối ngoại.

2. Đối với đoàn đến thăm và làm việc với các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh theo chương trình của cơ quan Trung ương, các ngành, địa phương, cơ quan có văn bản xin ý kiến UBND tỉnh; sau khi được đồng ý, ngành, địa phương, cơ quan xây dựng kế hoạch đón tiếp và trao đổi thống nhất với Văn phòng UBND tỉnh để hướng dẫn công tác lễ tân đối ngoại khi cần thiết.

3. Các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh khi mời đoàn nước ngoài tới thăm quan, làm việc phải chấp hành nghiêm các quy định tại Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác của pháp luật. Ít nhất 03 ngày trước khi đoàn đến phải có văn bản báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh (đồng thời thông báo cho Công an tỉnh). Nội dung văn bản nêu rõ mục đích, thành phần (họ và tên, chức danh, quốc tịch, số hộ chiếu của người nước ngoài), địa điểm và chương trình hoạt động của đoàn. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 10. Quản lý hoạt động của các cá nhân, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh chủ trì, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh; giải quyết các vấn đề phát sinh đối với các cá nhân, tổ chức nước ngoài có liên quan đến an ninh trật tự và vi phạm pháp luật khác trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối liên hệ với cơ quan đại diện ngoại giao nước có công dân, pháp nhân cư trú, hoạt động tại tỉnh và Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao; hướng dẫn giải quyết các vấn đề về lãnh sự theo quy định của pháp luật.

3. Các ngành, địa phương, cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh trong công tác quản lý hoạt động của cá nhân, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VÀ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Điều 11. Trách nhiệm của các ngành, địa phương, cơ quan liên quan trong hoạt động kinh tế đối ngoại.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

a, Tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình kinh tế trong và ngoài nước có tác động tới tỉnh và đề xuất các biện pháp xử lý.

b, Tham mưu lựa chọn đối tác, tiếp nhận, ký kết và là cơ quan đầu mối quản lý việc sử dụng các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các nguồn vốn viện trợ và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trực tiếp thực hiện quản lý các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngoài khu công nghiệp.

c, Chủ trì, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh. Thu hút, điều phối quản lý vốn ODA và quản lý các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

2. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trực tiếp lựa chọn, tiếp nhận, ký kết và thực hiện quản lý các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương chủ trì, tổ chức thực hiện các chương trình, hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, xúc tiến thương mại. Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế theo yêu cầu của tình hình thực tế, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

4. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì, tổ chức các hoạt động quảng bá, giao lưu văn hóa và xúc tiến du lịch trên địa bàn tỉnh.

5. Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan trực tiếp giúp UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các hoạt động kinh tế đối ngoại trên địa bàn tỉnh. Là cơ quan đầu mối của tỉnh trong mối quan hệ và công tác thu hút nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Điều 12. Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại

1. Sở Thông tin Truyền thông thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

2. Các ngành, địa phương, cơ quan khác phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông thực hiện các quy định về việc quản lý, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Chương V

QUẢN LÝ KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 13. Thẩm quyền quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh theo các quy định tại điều 15, điều 16 của Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế ngày 20/4/2007.

Điều 14. Trình tự và thủ tục tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh

1. Việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh được thực hiện xuất phát từ nhu cầu hợp tác quốc tế của UBND tỉnh trong quá trình hoạt động theo thẩm quyền. Trường hợp các ngành, địa phương, cơ quan có nhu cầu hợp tác phát triển hoặc đối tác nước ngoài đề nghị ký kết thỏa thuận quốc tế nhưng nội dung dự định ký thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh thì phải có văn bản báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh. Văn bản báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh bao gồm những nội dung sau:

a. Mục đích, lý do của việc ký kết thỏa thuận quốc tế, nội dung cơ bản của thỏa thuận quốc tế, dự thảo thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

b. Đánh giá tác động của thỏa thuận quốc tế dự định ký kết đối với các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, tài chính, an ninh – quốc phòng và các tác động khác trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh thẩm định, hoàn thiện dự thảo thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh, gửi xin ý kiến Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực liên quan.

3. Chủ tịch UBND tỉnh đàm phán, ký hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh đàm phán, ký sau khi có ý kiến trả lời bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và Bộ, ngành Trung ương liên quan.

4. Trường hợp Bộ Ngoại giao và Bộ, ngành có ý kiến khác nhau hoặc khác với ý kiến của địa phương, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm dự thảo văn bản của UBND tỉnh xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 4, điều 16 Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế ngày 20/4/2007. Ý kiến của Thủ tướng Chính phủ là căn cứ để Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế.

Điều 15. Trình tự xin phép và thủ tục tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế của ngành, địa phương, cơ quan

1. Khi có nhu cầu ký kết thỏa thuận quốc tế về những vấn đề thuộc thẩm quyền và lĩnh vực quản lý chuyên ngành được giao, ngành, địa phương, cơ quan phải có văn bản xin phép UBND tỉnh về việc đàm phán, ký kết thỏa thuận quốc tế.

Văn bản xin phép UBND tỉnh về việc đàm phán, ký kết thỏa thuận quốc tế phải nêu rõ mục đích của việc ký kết, nội dung chính của thỏa thuận, đánh giá tác động đối với các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, tài chính, an ninh – quốc phòng và các tác động khác trên địa bàn tỉnh.

2. Sau khi được UBND tỉnh cho phép đàm phán, ký kết, các ngành, địa phương, cơ quan xin ý kiến của Bộ, ngành chủ quản và của các cơ quan liên quan; hoàn chỉnh dự thảo và gửi Văn phòng UBND tỉnh thẩm định báo cáo UBND tỉnh để người đứng đầu ngành, địa phương, cơ quan làm căn cứ hoàn thiện dự thảo thỏa thuận trao đổi, đàm phán với đối tác nước ngoài.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ và chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận quốc tế

Người có thẩm quyền quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt thỏa thuận quốc tế đó theo các trình tự, thủ tục được quy định tại Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế ngày 20/4/2007.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, quản lý việc ký kết, thực hiện và lưu trữ thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành.

Các ngành, địa phương, cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Chương VI

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI KHÁC

Điều 18. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế

Việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các quy định tại Điều 5 Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

Điều 19. Quản lý hoạt động báo chí nước ngoài tại địa phương

1. Việc quản lý các hoạt động phóng viên báo chí nước ngoài đến hoạt động tại địa phương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/1996/NĐ-CP ngày 31/10/1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư liên tịch số 84/TTLB ngày 31/12/1996 của liên Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Thông tin Truyền thông) và Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

2. Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn phóng viên báo chí nước ngoài đến hoạt động tại địa bàn tỉnh và các ngành, địa phương, cơ quan thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 20. Hoạt động đối ngoại liên quan đến công tác người Việt Nam ở nước ngoài

1. Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn việc thực hiện chính sách của Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ tham gia, đóng góp bằng hình thức thích hợp vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của địa phương.

2. Các ngành, địa phương, cơ quan có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc các chính sách hiện hành về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan.

Điều 21. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại

Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức đối ngoại cho cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại trên địa bàn tỉnh; gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức hàng năm của tỉnh. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 22. Việc tiếp nhận huân, huy chương hoặc danh hiệu khác của nước ngoài tặng

Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhận huân, huy chương và các danh hiệu khác của nước ngoài theo các quy định hiện hành.

Chương VII**CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI****Điều 23. Báo cáo sự kiện hoạt động đối ngoại**

Sau khi kết thúc một hoạt động đối ngoại (đón tiếp đoàn vào, tổ chức đoàn ra, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, ký kết các thỏa thuận quốc tế, các vấn đề nhạy cảm liên quan đến yếu tố nước ngoài...) ngành, địa phương, cơ quan có trách nhiệm báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền bằng văn bản theo quy định phân cấp tổ chức và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời gửi Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, theo dõi và báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan.

Điều 24. Báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại định kỳ

Định kỳ 6 tháng, hàng năm; các ngành, địa phương, cơ quan lập báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại (Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05 tháng 5 và Báo cáo năm gửi trước ngày 05/11 hàng năm) gửi Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Chương VIII**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 25. Trách nhiệm của các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức**

1. Các ngành, địa phương, cơ quan trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; bố trí cán bộ theo dõi công tác đối ngoại, triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi việc thực hiện Quy chế này và các văn bản liên quan về công tác đối ngoại của các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện hiệu quả các nội dung hoạt động đối ngoại cụ thể được quy định tại Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên là căn cứ ban hành Quy chế này hết hiệu lực do có các văn bản mới thay thế hoặc được bổ sung, sửa đổi thì sẽ được thực hiện theo các quy định mới nhất.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các ngành, địa phương, cơ quan kịp thời phản ánh về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Khoa